

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

32-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	32.01.07	Toán	24.000	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
2	32.01.02	Toán	20.000	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
3	32.01.06	Toán	29.000	Nhất	12	THPT chuyên Lam Sơn
4	32.01.05	Toán	29.500	Nhất	11	THPT chuyên Lam Sơn
5	32.01.03	Toán	29.000	Nhất	12	THPT chuyên Lam Sơn
6	32.01.10	Toán	14.500	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
7	32.01.04	Toán	21.500	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
8	32.01.09	Toán	27.500	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
9	32.01.08	Toán	27.000	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
10	32.01.01	Toán	20.000	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
11	32.02.08	Vật lí	24.500	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
12	32.02.05	Vật lí	25.500	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
13	32.02.06	Vật lí	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
14	32.02.09	Vật lí	16.500	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
15	32.02.02	Vật lí	26.500	Nhất	12	THPT chuyên Lam Sơn
16	32.02.03	Vật lí	22.250	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
17	32.02.07	Vật lí	20.250	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
18	32.02.10	Vật lí	24.500	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
19	32.02.01	Vật lí	22.500	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
20	32.02.04	Vật lí	34.000	Nhất	11	THPT chuyên Lam Sơn
21	32.03.02	Hoá học	20.750	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
22	32.03.06	Hoá học	22.750	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
23	32.03.09	Hoá học	21.000	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
24	32.03.04	Hoá học	19.000	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
25	32.03.10	Hoá học	19.500	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
26	32.03.07	Hoá học	15.125	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
27	32.03.03	Hoá học	16.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
28	32.03.01	Hoá học	24.125	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

32-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	32.04.02	Sinh học	21.750	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
30	32.04.04	Sinh học	24.250	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
31	32.04.09	Sinh học	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
32	32.04.07	Sinh học	22.750	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
33	32.04.03	Sinh học	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
34	32.04.08	Sinh học	26.250	Nhất	11	THPT chuyên Lam Sơn
35	32.04.01	Sinh học	21.250	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
36	32.04.05	Sinh học	21.000	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
37	32.04.10	Sinh học	21.500	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
38	32.04.06	Sinh học	18.750	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
39	32.05.10	Tin học	16.297	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
40	32.05.05	Tin học	19.137	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
41	32.05.06	Tin học	23.000	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
42	32.05.02	Tin học	17.100	Ba	10	THPT chuyên Lam Sơn
43	32.05.04	Tin học	16.800	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
44	32.05.09	Tin học	16.878	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
45	32.05.08	Tin học	15.910	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
46	32.05.03	Tin học	17.840	Ba	10	THPT chuyên Lam Sơn
47	32.05.07	Tin học	16.890	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
48	32.06.02	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
49	32.06.01	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
50	32.06.10	Ngữ văn	13.250	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
51	32.06.09	Ngữ văn	13.250	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
52	32.06.04	Ngữ văn	12.500	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
53	32.06.06	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
54	32.06.07	Ngữ văn	15.750	Nhất	11	THPT chuyên Lam Sơn
55	32.06.08	Ngữ văn	13.250	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
56	32.06.03	Ngữ văn	14.000	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

32-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
57	32.06.05	Ngữ văn	13.750	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn
58	32.07.09	Lịch sử	14.250	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
59	32.07.05	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
60	32.07.10	Lịch sử	16.500	Nhì	12	THPT chuyên Lam Sơn
61	32.07.08	Lịch sử	14.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
62	32.07.07	Lịch sử	15.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
63	32.07.03	Lịch sử	16.000	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
64	32.07.06	Lịch sử	15.750	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
65	32.07.04	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
66	32.07.02	Lịch sử	15.500	Ba	12	THPT chuyên Lam Sơn
67	32.08.01	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
68	32.08.04	Địa lí	13.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
69	32.08.06	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
70	32.08.05	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
71	32.08.09	Địa lí	13.000	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
72	32.08.07	Địa lí	14.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
73	32.08.10	Địa lí	14.250	Ba	11	THPT chuyên Lam Sơn
74	32.08.08	Địa lí	13.250	K.Khích	11	THPT chuyên Lam Sơn
75	32.08.02	Địa lí	13.000	K.Khích	12	THPT chuyên Lam Sơn
76	32.08.03	Địa lí	15.250	Nhì	11	THPT chuyên Lam Sơn

Danh sách này gồm 76 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

32-TỈNH THANH HOÁ

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	32.09.01	Tiếng Anh	3.70	4.30	5.70	1.50	15.200	Nhì	THPT chuyên Lam Sơn
2	32.09.04	Tiếng Anh	3.90	4.20	5	1.50	14.600	Nhì	THPT chuyên Lam Sơn
3	32.09.09	Tiếng Anh	4	4.60	4.90	1.60	15.100	Nhì	THPT chuyên Lam Sơn
4	32.09.05	Tiếng Anh	3.60	4	5.10	1.40	14.100	Ba	THPT chuyên Lam Sơn
5	32.09.08	Tiếng Anh	3.70	4.30	5.20	1.40	14.600	Nhì	THPT chuyên Lam Sơn
6	32.09.07	Tiếng Anh	4.20	4.10	6.20	1.30	15.800	Nhất	THPT chuyên Lam Sơn
7	32.09.02	Tiếng Anh	3.30	3.80	5.40	1.40	13.900	Ba	THPT chuyên Lam Sơn
8	32.09.06	Tiếng Anh	3.40	3.70	5	1.50	13.600	K.Khích	THPT chuyên Lam Sơn
9	32.09.10	Tiếng Anh	3.40	3	5.30	1.40	13.100	K.Khích	THPT chuyên Lam Sơn
10	32.09.03	Tiếng Anh	4	3.40	5.80	1.20	14.400	Ba	THPT chuyên Lam Sơn

Danh sách này gồm 10 thí sinh